

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+TD1+RP2	7:25	20+1+1	0+0+0		18+0+0	0+0+0	chuyen 3 td1-rp2
2		P3+P5+BK3	7:25	10+12+0	0+0+0		1+18+3	0+0+0	chuyen 2 p5-bk3
3		P4+PPD+P1	7:25	15+3+4	0+0+0		13+2+7	0+0+0	
4		P7+P4	9:25	12+10	0+0		9+13	0+0	
5		HST+TGTH4+P3	9:25	3+8+11	0+0+0		3+3+16	0+0+0	
6		AMD+P7+P3	11:25	10+7+4	0+0+0		9+9+4	0+0+0	
7		TGTH5+AMD	11:25	4+18	0+0		3+19	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P1 - TD1 - RP2	CREW: XHOÀN - VThắng - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÙNG	P1	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	23	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC HAI	P1	18	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P1	24	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHANH DUY	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
7	VI KHẮC THANH	P1	28-29	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯU VĂN TUẤN	P1	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUY NGHIỆP	P1	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	16	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TỰ	P1	17	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ HỮU CHUNG	P1	19	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG TIẾN	P1	12	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	15	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	25	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
17	CAO ĐĂNG PHONG	P1	30-31	2	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	21	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	13	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ MINH HIẾU	P1	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	CHU ĐỨC HÙNG	TD1	57	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN HAI VIỆT	RP2	05	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	20	20	105	1.376	0	18		CHUYEN 3 PAX TD1-RP2
2	TD1	1	1	5	61	0	1		
3	RP2	1	1	9	85	0	0		
TOTAL		22	22	119	1.522	0	19		
WEIGHT KG				119	1.522	0			

GRAND TOAL: 1.641 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2022	TO: P3 - P5 - BK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHAI - D Sơn - THU	ETA: 09:20
VANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P3	03	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC ANH CHIEN	P3	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM TUAN KHAI	P3	08	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TRUONG	P3	12	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LE CHI BAO	P3				30	75	KH-THAC	Vietnamese
6	CHAU DINH TU	P3	09	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN CONG THANH	P3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC VINH	P3	01-02	2	13		77	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG ANH MINH	P3	07	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG NGUYEN DUY NHAN	P3	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUONG	P5	69	1	4		63	PSV	Vietnamese
12	ĐO KHAC ĐA	P5	71	1	4		66	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG VIỆT	P5	74	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO DINH HUY	P5	70	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔNG XUÂN SINH	P5	75	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN MINH	P5	68	1	6	15	80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DINH TU	P5	77	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN TRIEU	P5	78-79	2	18		58	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG VAN THANH	P5	66-67	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	73	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN CAO MẠNH	P5	76	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TUONG	P5	72	1	7		66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	10	10	57	686	30	1		chuyen 2 pax tu P5 - BK3
2	P5	12	14	75	844	15	18	2	
3	BK3	0	0	0	0	50	3		
TOTAL		22	24	132	1.530	95	22		
WEIGHT KG				132	1.530	95			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2022	TO: P4 - PPD - P1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV M. M-C.	P4	44	1	5		80	KH-THAC	Russian
2	SAGIROV M. S.	P4	51	1	5		69	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ HỮU NAM	P4	46	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	P4	37	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BAO AN	P4	48-49	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO MINH TUÂN	P4	39	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P4	52	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HẬU	P4	38	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TAM THUY	P4	47	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG KHẮC DU	P4	53	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN CHIẾN	P4	45	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM VĂN PHÚC	P4	50	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	54	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	P4	42-43	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THANH CAM	P4	40-41	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG BA DIEU	P4	35-36	2	10		53	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH KHOA	PPD	38	1	4	90	74	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH NAM	PPD	39-40	2	12		72	KHI	Vietnamese
19	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	78	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHAN	P1	76	1	4		112	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN KỶ	P1	77	1	6		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	20	103	1.167	0	13		
2	PPD	2	3	16	146	90	2		
3	P1	3	3	12	240	0	7		
TOTAL		21	26	131	1.553	90	22		
WEIGHT KG				131	1.553	90			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: P7 - P4	CREW: XHOÀN - VThắng - QTrưởng	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE DIEN	P7	43	1	10	80	69	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO TUÂN CHỦ	P7	36	1	8		66	PSV	Vietnamese
3	BUI VAN TUAN	P7	38	1	7		72	PSV	Vietnamese
4	ĐÀU CÔNG SÁU	P7	35	1	4		81	PSV	Vietnamese
5	HOANG MANH CUONG	P7	44	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH TRONG	P7					70	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI VAN SON	P7	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TIEN HIEP	P7	40	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI CONG LAN	P7	37	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC SON	P7	39	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH VAN PHUONG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRONG NGHIA	P7	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRUONG THANH	P4	30-31	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VAN TOAN	P4	32	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM XUAN HAI	P4	34	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH NAM	P4	26	1	3		72		Vietnamese
17	PHAM NGOC HUNG	P4	33	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUNG BAY	P4	28	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU THANH	P4	29	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG LOC	P4	27	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	12	10	61	834	80	9		
2	P4	8	9	57	539	0	13		
TOTAL		20	19	118	1.373	80	22		
WEIGHT KG				118	1.373	80			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2022	TO: HST - TGTH4 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - Toàn	ETA: 11:15
TRANG-2			

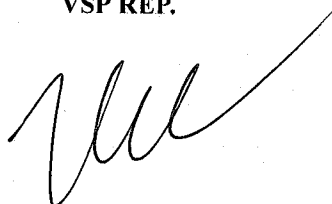
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CHI CUÔNG	HST	44-45	2	14		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HST	47	1	4		51	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC THU	HST	46	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO SY DUC	TGTH4	86-87	2	17		82	HLJOC	Vietnamese
5	MOHD AIDE SYAFIQ BIN SHAHIDI	TGTH4	81-82	2	19		85	HLJOC	Malaysian
6	DO VAN HUNG	TGTH4	79-80	2	10		65	HLJOC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HUNG	TGTH4	77-78	2	10		70	HLJOC	Vietnamese
8	LIM ZHEN HAO	TGTH4	83-84	2	16		70	HLJOC	Malaysian
9	NGUYỄN TRUNG KIEN	TGTH4	85	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG VIỆT	TGTH4	12	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ THANH DANH	TGTH4	10-11	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY PHU	P3	20	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ CÔNG NAM	P3	21	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẠO QUYẾT THĂNG	P3	22	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HAI	P3	17	1	11		62	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI NGỌC NAM	P3	18-19	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ HUY CHUÔNG	P3	15-16	2	16		69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HOANG	P3	25-26	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN ĐẠT	P3	13-14	2	19		55	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO QUỐC HÙNG	P3	23-24	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN VIỆT	P3	28	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
22	LÊ TRUNG TIẾN	P3	27	1	5		80	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

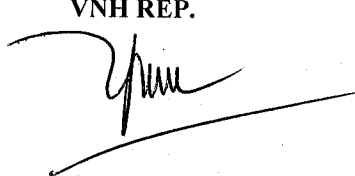
No.	DESTINATION.	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	3	4	22	186	0	3		
2	TGTH4	8	14	107	603	0	3		
3	P3	11	16	154	722	0	16		
TOTAL		22	34	283	1.511	0	22		
WEIGHT KG				283	1.511	0			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

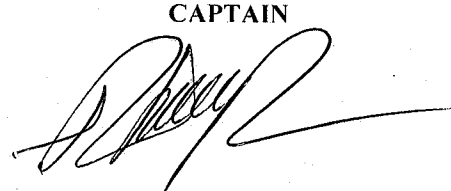
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: 6	TO: AMD - P7 - P3	CREW: TTrung - NPhú - NNam	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH THAI	AMD	46-47	2	15		75	XNXL	Vietnamese
2	PHÙNG THÈ TAI	AMD	41-42	2	15		63	XNXL	Vietnamese
3	LẠI HUY CUÔNG	AMD				27	61	XNXL	Vietnamese
4	ĐOÀN TÂN TRỊ	AMD	37	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HIỆU THAO	AMD	48	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD				17	69	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU HỮU CHÍNH	AMD	36	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIỀN	AMD	45	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	38	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
10	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	55	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HỮU TRỊ	P7	50	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HAI	P7	56	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỒNG GIANG	P7	51	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HOÀI THANH	P7	54	1	4		68	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HAI	P7	53	1	5		50	PSV	Vietnamese
16	ĐÀO XUÂN THANH	P7	52	1	3		67	PSV	Vietnamese
17	LÊ NG DUY THÔNG	P3	30	1	8		50	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THANH	P3	31	1	5		61	GETRACO	Vietnamese
19	PHẠM HỮU HIỆU	P3	29	1	8		75	GETRACO	Vietnamese
20	ĐÌNH SONG HAI	P3	32-33	2	15		53	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	9	56	566	44	9		
2	P7	7	7	33	447	0	9		
3	P3	4	5	36	239	0	4		
TOTAL		20	21	125	1.252	44	22		
WEIGHT KG				125	1.252	44			

GRAND TOAL: 1.421 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2022	TO: TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - Huy	ETA: 15:40
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN THAO	TGTH5	36	1	10		67	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH5	38-39	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN HUONG	TGTH5	37	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VIET THANG	AMD	50	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAO ĐỨC HUY	AMD	45	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TANG VAN BA	AMD	19	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	47	1	2		62	PSV	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐỊNH	AMD	20-21	2	17		72	XNXL	Vietnamese
9	TẠ TRUNG HIEU	AMD	24	1	11		69	XNXL	Vietnamese
10	PHAN TIEN DUNG	AMD	25-26	2	11		64	XNXL	Vietnamese
11	NGUYEN BA TIEN	AMD	48	1	7		67	XNXL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN PHUONG	AMD	22	1	10	13	65	XNXL	Vietnamese
13	HOANG DINH VINH	AMD	32	1	15		66	XNXL	Vietnamese
14	VÔ TÀ HUNG	AMD	49	1	15		67	XNXL	Vietnamese
15	BUI VAN ĐỨC	AMD	40-42	3	15		65	HA VIET	Vietnamese
16	NGUYEN HUU HIEU	AMD	43-44	2	11		52	HA VIET	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CUONG	AMD	46	1	9		88	HA VIET	Vietnamese
18	BUI SY VU	AMD	35	1	11		63	HA VIET	Vietnamese
19	PHAN VAN BEN	AMD	71-72	2	15		70	HA VIET	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HAI	AMD	34	1	12	15	67	HA VIET	Vietnamese
21	NGO DUY LINH	AMD	33	1	8		53	HA VIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	3	4	32	207	0	3		
2	AMD	18	24	200	1.198	28	19		
TOTAL		21	28	232	1.405	28	22		
WEIGHT KG				232	1.405	28			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN